

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST

Ngày: 22-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Vương Văn Mum.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thương– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2020/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; có đơn xin vắng mặt;
- *Bị đơn:* Chị Cao Thị V, sinh năm 1980; có đơn xin vắng mặt;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1978; vắng mặt không lý do.

Các đương sự cùng cư trú tại: Khu phố TP, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-8-2020, các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và chị V có quen biết với nhau. Bà có làm chủ thảo hui, chị V tham gia tổng cộng 08 dây hui, trong đó hui 02 triệu đồng 07 dây, hui 03 triệu đồng 01 dây; cụ thể như sau:

1. Dây hụi thứ nhất: Hụi 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-01-2019, mãn ngày 10-7-2021 gồm 20 phần, vợ chồng chị V tham gia 02 phần:

- Phần thứ nhất: Hốt hụi kỳ đầu ngày 10-01-2019, giá kê hụi 700.000 đồng, hốt được 37.700.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 37.000.000 đồng, đóng hụi chết được 14 kỳ với số tiền 28.000.000 đồng, còn nợ 15 kỳ hụi chết với số tiền 30.000.000 đồng.

- Phần thứ hai: Vợ chồng bà V đóng được 03 kỳ hụi sống, ngày 10-04-2019 kê trúng hụi với giá 605.000 đồng, hốt được 42.270.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 41.570.000 đồng, đóng hụi chết được 11 kỳ với số tiền 22.000.000 đồng, còn nợ 15 kỳ hụi chết với số tiền 30.000.000 đồng.

2. Dây hụi thứ hai: Hụi 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-01-2019, mãn ngày 10-7-2021 gồm 30 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, đóng được 01 kỳ hụi sống, ngày 10-02-2019 kê trúng hụi với giá 710.000 đồng, hốt được 38.120.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 37.420.000 đồng, đóng hụi chết được 13 kỳ với số tiền 26.000.000 đồng, còn nợ 15 kỳ hụi chết với số tiền 30.000.000 đồng.

3. Dây hụi thứ ba: Hụi 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 15-02-2019, mãn ngày 15-7-2021 gồm 30 phần, vợ chồng chị V tham gia 02 phần:

- Phần thứ nhất: Hốt hụi kỳ đầu ngày 15/02/2019, giá kê hụi 700.000 đồng, hốt được 37.700.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 37.000.000 đồng, đóng hụi chết được 13 kỳ với số tiền 26.000.000 đồng, còn nợ 16 kỳ hụi chết với số tiền 32.000.000 đồng.

- Phần thứ hai: Vợ chồng chị V đóng được 01 kỳ hụi sống, ngày 15-3-2019 kê trúng hụi với giá 720.000 đồng, hốt được 37.840.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 37.140.000 đồng, đóng hụi chết được 12 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng, còn nợ 16 kỳ hụi chết với số tiền 32.000.000 đồng.

4. Dây hụi thứ tư: Hụi 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 15-02-2019, mãn ngày 15-7-2021 gồm 30 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, đóng được 04 kỳ hụi sống, ngày 15-06-2019 kê trúng hụi với giá 650.000 đồng, hốt được 41.750.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 41.050.000 đồng, đóng hụi chết được 09 kỳ với số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ 16 kỳ hụi chết với số tiền 32.000.000 đồng.

5. Dây hụi thứ năm: Hụi 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 15-02-2019, mãn ngày 15-7-2021 gồm 30 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, đóng được 01 kỳ hụi sống, ngày 15-03-2019 kê trúng hụi với giá 720.000 đồng, hốt được 37.840.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 37.140.000 đồng, đóng hụi chết được 12 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng, còn nợ 16 kỳ hụi chết với số tiền 32.000.000 đồng.

6. Dây hụi thứ sáu: Hụi 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 30-02-2019, mãn ngày 30-3-2021 gồm 26 phần, vợ chồng bà D tham gia 02 phần:

- Phần thứ nhất: Vợ chồng chị V kê trúng hụi kỳ đầu với giá 630.000 đồng, hốt được 34.250.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 33.550.000 đồng, đóng hụi chết được 13 kỳ với số tiền 26.000.000 đồng, còn nợ 12 kỳ hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng.

- Phần thứ hai: Vợ chồng chị V đóng được 10 kỳ hội sống, ngày 30/12/2019 kêu trúng hội với giá 610.000 đồng, hốt được 40.850.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 40.150.000 đồng, đóng hội chết được 03 kỳ với số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ 12 kỳ hội chết với số tiền 24.000.000 đồng.

7. Dây hội thứ bảy: Hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 20-02-2020, mãn ngày 20-7-2021 gồm 30 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, kêu trúng hội kỳ đầu với giá 700.000 đồng, hốt được 37.700.000 đồng, trừ hoa hồng 700.000 đồng, thực nhận 37.000.000 đồng, đóng hội chết được 01 kỳ với số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ 28 kỳ hội chết với số tiền 56.000.000 đồng.

8. Dây hội thứ tám: Hội 03 triệu đồng/tháng, mở ngày 20-02-2020, mãn ngày 20-7-2021 gồm 30 phần, vợ chồng chị V tham gia 01 phần, kêu trúng hội kỳ đầu với giá 800.000 đồng, hốt được 63.800.000 đồng, trừ hoa hồng 900.000 đồng, thực nhận 62.900.000 đồng, đóng hội chết được 01 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 28 kỳ hội chết với số tiền 84.000.000 đồng.

Tổng cộng, chị V còn nợ bà số tiền hội chết là 406.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà V trả cho bà 406.000.000 đồng tiền hội chết còn nợ.

Nay do dây hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-01-2019, mãn ngày 10/7/2021; dây hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 15-02-2019, mãn ngày 15-7-2021; dây hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 30-02-2019; đối với mỗi dây hội này thì chị V thừa nhận tham gia 01 phần. Vì vậy, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị V trả những phần hội chị V thừa nhận và không yêu cầu tính lãi suất. Đối với những phần hội chị V không thừa nhận thì bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Cao Thị V trình bày: Chị V thừa nhận tham gia các dây hội như bà D trình bày. Tuy nhiên, dây hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 10-01-2019, mãn ngày 10-7-2021 gồm 20 phần, chị có tham gia 01 phần; dây hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 15-02-2019, mãn ngày 15-7-2021 gồm 30 phần, chị cũng thừa nhận chỉ tham gia 01 phần; đối với dây hội 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 30-02-2019, mãn ngày 30-3-2021 gồm 26 phần, chị V cũng thừa nhận chỉ tham gia 01 phần. Các dây hội khác thì chị thừa nhận như lời khai của bà D về ngày tháng mở hội, mãn hội, hốt hội và đăng hội chết như bà D trình bày là đúng. Nay chị đồng ý trả cho bà D số tiền 250.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Quốc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện lời khai của anh T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D tranh chấp hợp đồng góp hui đối với chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T.

Buộc chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 258.000.000 đồng. Ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi suất.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T, về việc trả số tiền 148.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Cao Thị V và anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, bị đơn chị Cao Thị V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, chị V và anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D thấy rằng: Chị V thừa nhận có tham gia các dây hui do bà D làm chủ, sau khi hốt hui không góp hui chết đầy đủ còn nợ, gồm:

- Dây 02 triệu đồng/tháng mở ngày 10-01-2019, còn nợ hui chết với số tiền 30.000.000 đồng;

- Dây 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 15-02-2019, còn nợ hui chết với số tiền 64.000.000 đồng;

- Dây hui 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 30-02-2019, còn nợ hui chết với số tiền 24.000.000 đồng;

- Dây hui 02 triệu đồng/tháng, mở ngày 20-02-2020, còn nợ hui chết với số tiền 56.000.000 đồng;

- Dây hui 03 triệu đồng/tháng, mở ngày 20-02-2020, còn nợ hui chết với số tiền 84.000.000 đồng;

Tổng cộng nợ tiền hui chết là 258.000.000 đồng.

Chị V trình bày nợ bà D tiền hui chết của các dây hui nêu trên khoảng 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, các dây hui chị V thừa nhận trên, tổng số tiền hui chết chưa góp là 258.000.000 đồng.

Chị V trình bày số tiền hui sử dụng vào mục đích chăn nuôi bò sữa, chi sinh hoạt kinh tế gia đình, anh T không biết nên chị nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà D. Xét thấy, anh T và chị V là vợ chồng, việc giao dịch tham gia góp hui trên lấy tiền sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, anh T phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị V trả nợ cho bà D.

Do đó, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471 Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D; buộc anh T và chị V liên đới trả cho bà D số tiền nợ hui là 258.000.000 đồng.

[3] Ghi nhận bà D không yêu cầu tính tiền lãi suất.

[4] Do bà Nguyễn Thị D rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào 244 Bộ luật tố tụng dân sự; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền 148.000.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị V, anh T phải chịu 258.000.000 đồng x 5% = 12.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T về việc tranh chấp hợp đồng hóp hui.

Buộc chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 258.000.000 (hai trăm năm mươi tám triệu) đồng tiền hui. Ghi nhận bà Nguyễn Thị D không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T, về việc trả số tiền 148.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Chị Cao Thị V, anh Nguyễn Quốc T phải chịu 12.900.000 (mười hai triệu chín trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 10.120.000 (mười triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0014786 ngày 30-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm